

Phát triển sản xuất kinh doanh lâm sản ngoài gỗ quy mô hộ gia đình tại tỉnh Hà Tĩnh

Trần Đức Anh¹, Nguyễn Văn Tuấn²

¹Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp và Dịch vụ Hương Sơn

²Hội Khoa học Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Development of production and business of non-timber forest products household scale in Ha Tinh province

Tran Duc Anh¹, Nguyen Van Tuan²

¹Huong Son Forest and Services One Member Limited Liability Company

²Vietnam Economic science association of agriculture and rural development

<https://doi.org/10.55250/jo.vnuf.12.5.2023.143-151>

TÓM TẮT

Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) được hiểu là những sản phẩm có nguồn gốc sinh vật lấy từ rừng hoặc đất rừng, không bao gồm gỗ, củi, than gỗ và các sản phẩm không có nguồn gốc sinh vật. Phát triển sản xuất kinh doanh lâm sản ngoài gỗ được coi là một giải pháp hữu hiệu góp phần phát triển bền vững tài nguyên rừng. Hà Tĩnh là tỉnh có tiềm năng lớn về lâm sản ngoài gỗ, trong đó hoạt động kinh doanh lâm sản ngoài gỗ là hoạt động khá phổ biến ở các hộ gia đình sống gần rừng trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu này tiến hành khảo sát, phỏng vấn 90 hộ gia đình đang sản xuất kinh doanh lâm sản ngoài gỗ trên địa bàn tỉnh thuộc 3 nhóm: khai thác từ rừng tự nhiên; gây trồng dưới tán rừng và khai thác nhựa thông. Trên cơ sở phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ, kết quả kinh doanh, những khó khăn của các hộ điều tra, đề xuất các giải pháp nhằm phát triển sản xuất kinh doanh lâm sản ngoài gỗ quy mô hộ gia đình trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 09/08/2023

Ngày phản biện: 12/09/2023

Ngày quyết định đăng: 06/10/2023

Từ khóa:

lâm sản ngoài gỗ, phát triển sản xuất kinh doanh, quy mô hộ gia đình, tỉnh Hà Tĩnh.

Keywords:

Ha Tinh province, household size, non-timber forest products, production and business development.

ABSTRACT

Non-timber forest products (NTFPs) are understood as products of biological origin taken from forests or forest land, excluding wood, firewood, charcoal and other products of non-biological origin. Developing production and business of non-timber forest products is considered an effective solution contributing to the sustainable development of forest resources. Ha Tinh is a province with great potential for NTFPs, in which NTFP business is quite a popular activity among households living near forests in the province. This study conducted a survey and interviewed 90 households producing and trading NTFPs in the province in 3 groups: exploited from natural forests; planted under natural forests and exploited pine resin. Based on the analysis of production, consumption, business results, and difficulties of investigated households, the paper proposes solutions to develop production and business NTFPs household-scale in the province in the coming time next time.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) được hiểu là những sản phẩm có nguồn gốc sinh vật lấy từ rừng hoặc đất rừng, không bao gồm gỗ, củi, than gỗ và các sản phẩm không có nguồn gốc sinh vật. LSNG bao gồm các loài tre nứa, song mây, cây thuốc, cây lương thực thực phẩm, gia vị, tinh dầu, dầu béo, nhựa, nhựa mù, tanin, thuốc nhuộm, cây cảnh, động vật hoang dã sống và các

sản phẩm của chúng [1].

Việt Nam có nguồn tài nguyên LSNG rất lớn và đa dạng, có nhiều loài và có giá trị cao cả về kinh tế và giá trị khoa học [2]. Phát triển sản xuất kinh doanh lâm sản ngoài gỗ được coi là một giải pháp hữu hiệu góp phần phát triển bền vững tài nguyên rừng [3].

Tỉnh Hà Tĩnh có 218.259,42 ha rừng tự nhiên, được đánh giá là tỉnh có tiềm năng rất lớn

về phát triển [4]. Trong bối cảnh tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên hiện nay, việc phát triển kinh doanh LSNG có ý nghĩa rất lớn đối với việc sử dụng tổng hợp tài nguyên rừng, tạo sinh kế và thu nhập cho người dân gắn liền với mục tiêu bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng của tỉnh.

Hiện tại tỉnh Hà Tĩnh đã giao 71.410,5 ha rừng và đất lâm nghiệp trong đó có 18.379 ha rừng tự nhiên cho 27.283 hộ gia đình [4]. Hoạt động sản xuất kinh doanh LSNG đã có những đóng góp quan trọng trong việc đảm bảo sinh kế, tạo thu nhập cho các hộ, đồng thời góp phần quan trọng trong việc bảo vệ phát triển rừng.

Tuy vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh LSNG tại các hộ gia đình của tỉnh cũng đang gặp những khó khăn bất cập cần có những giải pháp đồng bộ và phù hợp để kịp thời tháo gỡ.

Mục tiêu của nghiên cứu này là trên cơ sở phân tích thực trạng sản xuất kinh doanh LSNG quy mô hộ gia đình tại tỉnh Hà Tĩnh sẽ đề xuất những giải pháp góp phần phát triển hoạt động này trong thời gian tới tại địa phương.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

+ *Phương pháp thu thập thông tin, số liệu*

Các thông tin số liệu thứ cấp được tổng hợp từ các báo cáo và cơ sở dữ liệu của Cục Thống kê Hà Tĩnh, Sở NN và PTNT tỉnh Hà Tĩnh. Các Thông tin, số liệu sơ cấp được thu thập thông qua điều tra khảo sát tại 90 hộ gia đình có hoạt động SXKD LSNG tại Hà Tĩnh, trong đó 30 hộ khai thác LSNG từ rừng tự nhiên, 30 hộ khai thác nhựa thông và 30 hộ gây trồng cây Sa nhân tím.

+ *Phương pháp phân tích thông tin:*

Sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phương pháp so sánh.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Tiềm năng lâm sản ngoài gỗ của tỉnh Hà Tĩnh

Hà Tĩnh có diện tích tự nhiên 599.031 ha, được chia làm 13 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã và 10 huyện). Dân số toàn tỉnh năm 2022 có 1.290.263 người, trong đó trên 70% sống ở các vùng nông thôn [5].

Hà Tĩnh hiện có 313.583 ha rừng, trong đó có 218.259,42 ha rừng tự nhiên và 95.175,28 ha rừng trồng, độ che phủ của rừng đạt 52,35%. Rừng Hà Tĩnh được đánh giá là có tính đa dạng loài khá cao với 1.612 loài thực vật, 94 loài thú, 315 loài chim, 58 loài bò sát, 31 loài lưỡng cư, 88 loài cá, 316 loài bướm, trong đó có nhiều loài có giá trị cao về kinh tế và bảo tồn.

Diện tích rừng tự nhiên 218.259,42 ha của tỉnh được quy hoạch là rừng đặc dụng 73.310,55 ha (chiếm 33,58%), rừng phòng hộ 80.806,18 ha (chiếm 37,02%) và rừng sản xuất 64.142,69 ha (chiếm 29,39%). Rừng tự nhiên của tỉnh phân bố ở 10 đơn vị hành chính cấp huyện trong tỉnh, trong đó những huyện có nhiều rừng tự nhiên nhất là: Hương Khê với diện tích 69.536 ha, tiếp sau là Hương Sơn với 64.609 ha, Vũ Quang với 39.067 ha [4].

Hiện tại toàn bộ rừng và đất lâm nghiệp của tỉnh đã được giao cho các chủ rừng để quản lý sử dụng ổn định lâu dài theo quy định của pháp luật, cụ thể:

Nhóm chủ rừng là các đơn vị sự nghiệp công lập (gồm có 6 đơn vị, trong đó có 1 Vườn quốc gia, 1 Khu bảo tồn thiên nhiên và 4 Ban quản lý rừng phòng hộ), diện tích 184.905,07 ha, trong đó có 148.603,79 ha rừng tự nhiên. Nhóm chủ rừng là các Doanh nghiệp (có 11 đơn vị, trong đó có 3 Công ty lâm nghiệp) diện tích 65.828,82 ha, trong đó có 38.761,18 ha rừng tự nhiên. Nhóm chủ rừng là các tổ chức khác (có 4 đơn vị) diện tích 3.448,9 ha với 1.790,32 ha rừng tự nhiên. Nhóm chủ rừng là hộ gia đình (gồm có 27.283 hộ) với diện tích 71.410,5 ha, trong đó có 18.379 ha rừng tự nhiên. Diện tích đất LN chưa giao hiện đang do các UBND xã quản lý là 33.356 ha [4].

Rừng tự nhiên của Hà Tĩnh có tiềm năng LSNG rất phong phú, riêng các loại LSNG có nguồn gốc thực vật rừng có giá trị thương phẩm hiện nay gồm có 93 loại, gồm 5 nhóm chính (nhóm cho sợi: 19 loài; nhóm cho tinh dầu, nhựa, mủ: 11 loài; nhóm cho dược liệu: 32 loài; nhóm cho thực phẩm: 19 loài, nhóm khác: 12

loài) được phân bố trên diện tích 41.184,21 ha rừng tự nhiên của tỉnh [4].

Hoạt động kinh doanh LSNG đã đóng góp một phần hết sức quan trọng vào tổng thu nhập

của ngành lâm nghiệp tỉnh Hà Tĩnh.

Một số thông tin về hoạt động kinh doanh các loại lâm sản từ rừng của tỉnh Hà Tĩnh năm 2022 được nêu trên Bảng 1.

Bảng 1. Doanh thu khai thác lâm sản tỉnh Hà Tĩnh năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu từ khai thác lâm sản	tr.đ	545.181	100,00
a	Doanh thu từ khai thác gỗ	tr.đ	299.275	54,89
b	Doanh thu từ lâm sản ngoài gỗ	tr.đ	245.906	45,11
2	Doanh thu trên 1 ha đất rừng	tr.đ/ha	2,226	100,00
a	Doanh thu từ khai thác gỗ	tr.đ/ha	1,222	54,89
b	Doanh thu từ lâm sản ngoài gỗ	tr.đ/ha	1,004	45,11

Nguồn: Sở NN và PTNT tỉnh Hà Tĩnh.

Qua Bảng 1 cho thấy, doanh thu từ khai thác các loại lâm sản ngoài gỗ đóng vai trò quan trọng trong tổng doanh thu từ rừng của tỉnh Hà Tĩnh. Năm 2022 tổng doanh thu từ khai thác lâm sản nói chung toàn tỉnh ở mức 545.181 triệu đồng, trong đó từ khai thác gỗ 299.275 triệu đồng (chiếm 54,89%), trong khi đó doanh thu từ khai thác LSNG đạt mức 245.906 triệu đồng, chiếm 45,11% tổng doanh thu.

Doanh thu khai thác lâm sản tính bình quân cho 1 ha rừng toàn tỉnh ở mức 2,22 triệu đồng/ha trong đó thu từ LSNG đã đạt 1,114 triệu đồng/ha.

Trong bối cảnh nước ta nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng đều thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên thì những thu nhập từ khai thác các loại LSNG dưới tán rừng đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc góp phần tạo ra nguồn thu ổn định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững tài nguyên rừng.

3.2. Tình hình sản xuất kinh doanh LSNG của các hộ gia đình tại tỉnh Hà Tĩnh

3.2.1. Tổ chức sản xuất LSNG của các hộ gia đình

Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 27.283 hộ gia đình được giao 71.344 ha rừng và đất lâm nghiệp, trong đó diện tích rừng tự nhiên giao cho các hộ tập trung chủ yếu tại các huyện Hương Sơn và Hương Khê.

Hiện tại, các hộ gia đình có các hoạt động SXKD LSNG điển hình như sau:

- Hoạt động thu hái, khai thác LSNG trong rừng tự nhiên.
- Hoạt động khai thác nhựa thông từ các khu

rừng trồng.

- Hoạt động gây trồng một số cây dược liệu dưới tán rừng tự nhiên.

Việc thu hái, khai thác các loại LSNG chủ yếu diễn ra ở những nơi có rừng tự nhiên tại tất cả các huyện có rừng của tỉnh với các quy mô khác nhau. Bên cạnh các hộ được giao rừng, đa số các hộ gia đình sống gần rừng đều có hoạt động thu hái các loại LSNG trong rừng tự nhiên khi đến thời vụ hoặc khi có người thu mua tại địa phương.

Các loại LSNG thu hái của các hộ là rất đa dạng tùy thuộc điều kiện đất đai, sinh thái và nhu cầu của thị trường. Về cơ bản các hoạt động thu hái các loại LSNG của các hộ gia đình vẫn chủ yếu là hoạt động tự phát, phân tán, chủ yếu là mang tính chất hái lượm phục vụ sinh kế, vẫn xảy ra tình trạng khai thác theo kiểu tận diệt, hoàn toàn phụ thuộc vào thị trường tự do mà chưa được tổ chức, kiểm soát một cách hợp lý.

Hoạt động khai thác nhựa thông chủ yếu được thực hiện trên các diện tích rừng thông trồng trước đây, hiện đang thuộc quyền quản lý của các Ban quản lý rừng phòng hộ hoặc các Công ty Lâm nghiệp của tỉnh. Các Ban QLRPH hoặc Công ty Lâm nghiệp tiến hành giao khoán bảo vệ rừng và khoán khai thác nhựa cho các hộ nhận khoán theo định mức sản lượng nhựa và giá khoán thống nhất.

Hoạt động gây trồng một số loại LSNG dưới tán rừng tự nhiên mới được các hộ thực hiện trong những năm gần đây và còn chưa thực sự phổ biến. Các loại LSNG được gây trồng dưới tán rừng tự nhiên tại Hà Tĩnh chủ yếu bao gồm:

Sa nhân tím, Giảo cổ lam, Ba kích, Sa nhân...

3.2.2. Tiêu thụ sản phẩm LSNG của các hộ gia đình

Nhìn chung, thị trường tiêu thụ sản phẩm các loại LSNG của tỉnh Hà Tĩnh còn khá manh mún, sản lượng tiêu thụ và giá cả nhìn chung là thiếu ổn định.

Qua khảo sát thực tiễn, có 2 hình thức tiêu thụ chính đối với LSNG của các hộ gia đình là bán trực tiếp và bán qua đại lý thu gom.

Theo hình thức bán trực tiếp, các hộ thu hái LSNG từ rừng có thể bán trực tiếp tại cửa rừng hoặc tại các chợ địa phương, một số ít hộ chở thẳng đến bán cho các cơ sở sản xuất tại địa phương. Sản phẩm LSNG tiêu thụ theo hình thức này rất đa dạng về chủng loại, trong đó phổ biến là các sản phẩm thuộc nhóm làm nguyên liệu thủ công nghiệp (mây, giang, tre nứa...), nhóm các loại thực phẩm (măng, mộc nhĩ, nấm...).

Hình thức tiêu thụ qua đại lý thu gom chủ yếu được thực hiện đối với các nhóm sản phẩm có nhu cầu cao và tập trung như nhóm làm nguyên liệu thủ công nghiệp (mây, giang, tre nứa...) và nhóm làm dược liệu. Các đại lý thường liên hệ với các hộ để đặt hàng và tiến

hành thu mua theo giá thống nhất, sau đó bán cho các cơ sở sản xuất lớn trong và ngoài tỉnh theo hợp đồng đã ký kết. Một số trường hợp các đại lý có ứng tiền trước để các hộ thu hái, gây trồng.

Phần lớn các sản phẩm thuộc nhóm làm nguyên liệu như tre nứa, vầu, mây, giang thường được các đại lý thu gom rồi vận chuyển đi tiêu thụ cho các làng nghề tại Hà Nội và các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, một phần nhỏ được bán cho các cơ sở tại các làng nghề của tỉnh Hà Tĩnh.

3.2.3. Kết quả và hiệu quả kinh doanh LSNG của các hộ gia đình

3.2.3.1. Kết quả khai thác LSNG trong rừng tự nhiên của các hộ điều tra

Khai thác giang, mây, tre nứa là hoạt động khai thác LSNG phổ biến nhất của các hộ gia đình từ rừng tự nhiên. Người khai thác vào rừng, dùng dao chặt, bó và vác hoặc kéo đến nơi tập kết, bán tại cửa rừng. Giá bán tại cửa rừng là 2.500 đồng/kg giang và 5.500 đồng/kg sợi mây nếp.

Kết quả khảo sát đối với 30 hộ gia đình khai thác cây giang rừng và mây nếp trong rừng tự nhiên tại huyện Hương Sơn được tổng hợp trên Bảng 2.

Bảng 2. Tình hình hoạt động và thu nhập của hộ khai thác mây, giang từ rừng tự nhiên của các hộ điều tra

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Tỷ trọng %
1	Số hộ điều tra	hộ	30	
2	Diện tích đất bình quân 1 hộ	m ²	24.655	100,00
a	Đất nông nghiệp	m ²	1.285	3,71
b	Đất lâm nghiệp	m ²	22.700	94,36
c	Đất khác	m ²	670	1,93
3	Số nhân khẩu bình quân	người	4,97	
4	Số lao động bình quân	lao động	2,37	
5	Thu nhập bình quân của hộ	đồng/năm	81.070.000	100,00
a	Từ trồng trọt	đồng/năm	19.700.000	24,30
b	Từ chăn nuôi	đồng/năm	4.650.000	5,74
c	Thu từ hoạt động Lâm nghiệp	đồng/năm	50.470.000	62,25
	Từ tiền công khoán bảo vệ rừng	đồng/năm	1.770.000	2,18
	Từ khai thác LSNG	đồng/năm	47.450.000	58,53
	Từ hoạt động lâm nghiệp khác	đồng/năm	1.250.000	1,54
d	Từ nguồn khác	đồng/năm	6.250.000	7,71
6	Thu nhập bình quân 1 công LĐ	đồng/công	320.000	

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát.

Qua Bảng 2 cho thấy, hoạt động khai thác LSNG có vai trò rất lớn đối với sinh kế của các

hộ điều tra. Với tổng thu nhập bình quân 1 hộ là 81.070.000 đ/năm thì thu nhập từ hoạt động lâm

nghiệp là 50.470.000 đồng, chiếm tỷ trọng 62,25% tổng thu nhập của hộ, trong đó nguồn thu từ khai thác LSNG (giang và mây) đem lại cho mỗi hộ 47.450.000 đồng/năm, chiếm tỷ

trọng 58,53 % tổng thu nhập của hộ.

Cũng qua kết quả khảo sát, các khó khăn của hộ khai thác LSNG trong rừng tự nhiên được tổng hợp trên Bảng 3.

Bảng 3. Các khó khăn của hộ khai thác LSNG từ rừng tự nhiên

TT	Khó khăn	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Trữ lượng ngày càng ít	22	73,33
2	Điều kiện khai thác ngày càng khó khăn	19	63,33
3	Đường vận chuyển khó khăn	18	60,00
4	Khó khăn về kiến thức bảo tồn và phát triển	24	80,00
5	Khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm	30	100,00
6	Khó khăn trong kiểm soát khai thác trộm	16	53,33

Nguồn: Tổng hợp từ kết quả khảo sát.

Qua Bảng 3 cho thấy, khó khăn lớn nhất mà các hộ khai thác LSNG từ rừng tự nhiên gặp phải là vấn đề tiêu thụ sản phẩm, với 100% ý kiến của người được hỏi. Những khó khăn trong vấn đề này bao gồm: lượng mua của các cơ sở trong vùng rất hạn chế; giá cả thu mua thường thấp. Những khó khăn khác có tỷ lệ ý kiến cao còn là: khó khăn về tiếp cận kiến thức về bảo tồn và phát triển các loại LSNG trong rừng tự nhiên; khó khăn về trữ lượng LSNG ngày càng suy giảm...

3.2.3.2. Kết quả khai thác nhựa thông trong rừng trồng của các hộ điều tra

Đối với các hộ khai thác nhựa thông, nghiên cứu tiến hành khảo sát 30 hộ gia đình khai thác

nhựa thông tại xã Đạ Liêu, thị xã Hồng Lĩnh, là khu rừng thông do Ban quản lý rừng phòng hộ Hồng Lĩnh khoán quản lý bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, trong đó các hộ được phép khai thác nhựa thông dưới sự giám sát và ký kết hợp đồng với Ban.

Nhựa sau khi khai thác được giao cho kho của Ban quản lý rừng phòng hộ, các hộ nhận khoán được trả 14.000 đồng cho 1 kg nhựa nằm trong định mức khoán, đối với lượng nhựa khai thác vượt khoán, hộ được nhận thanh toán theo giá thị trường nhưng không thấp hơn 17.000 đồng/kg.

Thông tin về hoạt động khai thác nhựa thông của 30 hộ điều tra được tổng hợp trên Bảng 4.

Bảng 4. Tình hình khai thác nhựa thông của các hộ điều tra

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ điều tra	hộ	30
2	Diện tích rừng thông nhận khoán BQ 1 hộ	ha	2,38
3	Số công lao động khai thác nhựa	công/năm	131
4	Sản lượng nhựa trung bình của hộ	kg/năm	3.694
5	Thu nhập từ khai thác nhựa của hộ	đồng/năm	51.718.333
6	Thu nhập bình quân 1 công	đồng/công	394.545

Nguồn: tổng hợp từ kết quả khảo sát.

Qua Bảng 4 có thể thấy, bình quân một hộ nhận khoán khai thác nhựa thông mỗi năm có thể có thu nhập 51.718.333 đồng từ tiền công khoán khai thác nhựa, một công lao động khai thác nhựa thông được trả 394.545 đồng.

3.2.3.3. Kết quả gây trồng sa nhân tím trong rừng tự nhiên của các hộ điều tra

Nghiên cứu tiến hành khảo sát 30 hộ gia đình trồng sa nhân tím trong rừng tự nhiên tại xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn. Các hộ trồng

sa nhân tím trên các khu vực phù hợp trong diện tích rừng tự nhiên được giao hoặc khoán quản lý bảo vệ. Tại đây có Công ty TNHH Bảo Lâm đã ký hợp đồng với các hộ, trong đó Công ty bán ứng cây giống cho các hộ, hướng dẫn kỹ thuật và bao tiêu sản phẩm cho các hộ.

Theo quy trình gây trồng, cây sa nhân tím bắt đầu cho thu hoạch từ năm thứ ba trở đi, mỗi năm 2 vụ, sản lượng thu hoạch giao động từ 200 đến 250 kg quả khô mỗi năm. Cây cho thu hoạch ổn định

đến khoảng năm thứ 10, sau đó cần được trồng lại.

Theo phương pháp chiết khấu dòng tiền, các chỉ tiêu hiệu quả tính cho chu kỳ kinh doanh 10 năm và tỷ lệ lãi suất vốn đầu tư 5% cho kết quả khá cao, cụ thể: Chỉ tiêu NPV đạt 231.724.663 đ/ha, Chỉ tiêu BCR đạt trị số 2,72 và Chỉ tiêu IRR đạt 49,93%.

Chi phí và thu nhập trên 1 ha trong giai đoạn kinh doanh từ năm thứ 3 trở đi của hộ được nêu trên Bảng 5.

Bảng 5. Chi phí và thu nhập trong giai đoạn kinh doanh cho 1 ha của hộ điều tra

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí sản xuất				
1	Chi phí khấu hao vườn cây	đ/ha/năm			8.281.250
2	Chi phí sản xuất hàng năm	đ/ha/năm			12.250.000
a	Công chăm sóc, bảo vệ	công/ha	15	350.000	5.250.000
b	Công thu hoạch	công/ha	15	350.000	5.250.000
c	Công phơi sấy	công/ha	5	350.000	1.750.000
II	Thu hoạch sản phẩm				62.500.000
1	Vụ 1	kg	130	250.000	32.500.000
2	Vụ 2	kg	120	250.000	30.000.000
III	Một số chỉ tiêu hiệu quả				
1	Doanh thu trên 1 ha	đ/ha/năm			62.500.000
2	Thu nhập hỗn hợp trên 1 ha	đ/ha/năm			54.218.750
3	Thu nhập trên 1 công lao động	đ/công			1.549.107

Nguồn: tổng hợp từ kết quả khảo sát.

Qua Bảng 5 có thể thấy, 1 ha cây sa nhân tím trồng dưới tán rừng từ năm thứ ba trở đi đem lại thu nhập khá cao cho hộ gia đình. Thu nhập hỗn hợp đạt 54.218.750 đồng/ha, thu nhập hỗn hợp

tính cho một công lao động đạt 1.549.107 đ/công.

Những khó khăn trong gây trồng cây Sa nhân tím của các hộ điều tra được tổng hợp trên Bảng 6.

Bảng 6. Các khó khăn của hộ gây trồng cây sa nhân tím

TT	Những khó khăn	Số ý kiến	Tỷ lệ %
1	Khó khăn về đất đai	19	63,33
2	Khó khăn về vốn đầu tư ban đầu	24	80,00
3	Khó khăn về nguồn giống	5	16,67
4	Khó khăn về kỹ thuật gây trồng	7	23,33
5	Khó khăn về bảo vệ và thu hoạch	18	60,00
6	Khó khăn trong bảo quản, sơ chế	16	53,33
7	Khó khăn trong tiêu thụ sản phẩm	30	100,00

Nguồn: tổng hợp từ kết quả khảo sát.

Qua Bảng 6 có thể thấy, khó khăn lớn nhất của các hộ gây trồng cây sa nhân vẫn là vấn đề

tiêu thụ sản phẩm, sau đó là vốn đầu tư và diện tích đất gây trồng.

3.3. Đánh giá chung về sản xuất kinh doanh lâm sản ngoài gỗ quy mô hộ gia đình tại Hà Tĩnh

3.3.1. Những thành công

Trong những năm gần đây, hoạt động phát triển SXKD LSNG của các hộ gia đình tại Hà Tĩnh đã đạt được những thành công chính sau đây:

- Đã tạo được sự chuyển biến khá rõ nét trong nhận thức của người dân và cộng đồng về vai trò quan trọng và sự cần thiết phải phát triển sản xuất kinh doanh LSNG gắn liền với quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp của tỉnh Hà Tĩnh đã được giao, khoán cho các chủ rừng sử dụng ổn định lâu dài, tạo cơ sở quan trọng và thuận lợi cho công tác phát triển SXKD lâm nghiệp nói chung và SXKD LSNG nói riêng trên địa bàn tỉnh.

- Sản xuất, kinh doanh LSNG của các hộ gia đình đã góp phần khai thác tốt hơn tiềm năng của rừng, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên rừng, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, đồng thời cũng góp phần bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng của tỉnh.

- Đã bước đầu hình thành các liên kết theo chuỗi cung ứng từng mặt hàng LSNG cụ thể, góp phần tạo những thuận lợi cho tiêu thụ và đảm bảo lợi ích trong phát triển SXKD LSNG của các hộ gia đình.

3.3.2. Những tồn tại, hạn chế

- Hoạt động SXKD LSNG tại các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh nhìn chung vẫn còn mang nặng tính tự phát, nhỏ lẻ, chưa được tổ chức một cách bài bản và đồng bộ.

- Hoạt động thu hái, khai thác LSNG từ rừng tự nhiên vẫn chiếm vai trò chủ đạo, hoạt động gây trồng còn chưa đáng kể.

- Hoạt động khai thác, thu hái LSNG của các hộ ít được các cơ quan chức năng hướng dẫn, giám sát nên thường xảy ra tình trạng khai thác tận diệt, không đảm bảo được yêu cầu bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng.

- Thị trường tiêu thụ LSNG chưa được tổ chức tốt, các kênh tiêu thụ còn manh mún, thiếu các liên kết giữa sản xuất và tiêu thụ, nhiều trường hợp LSNG khai thác nhưng không bán

được do không có khách hàng, gây lãng phí và thiệt hại lớn cho người sản xuất.

- Khâu sơ chế, bảo quản và chế biến LSNG trên địa bàn tỉnh chưa được quan tâm đầu tư phát triển, làm cho sản phẩm chủ yếu tiêu thụ dưới dạng nguyên liệu thô, dẫn đến không đảm bảo chất lượng, ảnh hưởng tới việc tiêu thụ trên thị trường.

3.4. Một số giải pháp phát triển sản xuất kinh doanh lâm sản ngoài gỗ quy mô hộ gia đình tại Hà Tĩnh

3.4.1. Hoàn thiện hệ thống chính sách khuyến khích phát triển SXKD lâm sản ngoài gỗ

Các cơ quan quản lý nhà nước các cấp cần nghiên cứu hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật để khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng tham gia bảo vệ, khai thác, gây trồng, chế biến và phát triển LSNG theo nguyên tắc bền vững, có lợi ích phù hợp và gắn với quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

Cần có chính sách ưu đãi và hỗ trợ đặc biệt để thu hút doanh nghiệp thuê đất lâu dài của hộ nông dân phát triển sản xuất cây LSNG, khuyến khích, hỗ trợ người dân góp vốn bằng đất với doanh nghiệp để tạo quỹ đất hình thành vùng sản xuất LSNG với quy mô hàng hoá tập trung lớn.

Cần có chính sách hỗ trợ đầu tư ban đầu, cho vay tín dụng ưu đãi để các hộ phát triển gây trồng một số LSNG có thế mạnh của tỉnh.

Cần có các chính sách hỗ trợ cho xây dựng các cơ sở nhà máy bảo quản, chế biến LSNG; hỗ trợ hoạt động quảng bá, tiếp cận và phát triển thị trường LSNG.

3.4.2. Phát triển thị trường tiêu thụ lâm sản ngoài gỗ

Phát triển thị trường để đẩy mạnh tiêu thụ LSNG là khâu then chốt hiện nay để phát triển SXKD LSNG của tỉnh Hà Tĩnh.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quảng bá và xúc tiến thương mại cả trong và ngoài nước về LSNG của tỉnh Hà Tĩnh thông qua nhiều hình thức đa dạng, linh hoạt như: xây dựng website, tham gia hội chợ, triển lãm, tham gia các hội nghị xúc tiến thương mại... để đưa các sản phẩm LSNG đến với các thị trường trong và

ngoài nước.

Xây dựng hệ thống thông tin chuyên ngành về LSNG, xác định rõ ràng cơ chế hoạt động, trách nhiệm của các tổ chức chuyên cung cấp thông tin về nhu cầu thị trường sản phẩm LSNG cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình để chủ động xác lập kế hoạch sản xuất, tiêu thụ LSNG của mình.

Củng cố các kênh tiêu thụ truyền thống như chợ nông thôn, chợ đầu mối và các cơ sở kinh doanh, nhà hàng, hiệu thuốc... để đẩy mạnh tiêu dùng nội địa đối với các sản phẩm LSNG của tỉnh.

3.4.3. Phát triển các cơ sở chế biến lâm sản ngoài gỗ

Việc phát triển các cơ sở chế biến LSNG có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng sản phẩm, gia tăng giá trị và hiệu quả cho sản xuất kinh doanh LSNG của các hộ gia đình trên địa bàn tỉnh.

Phát triển các cơ sở chế biến LSNG cần đảm bảo chú trọng đồng bộ các cấp quy mô: lớn, vừa, nhỏ; kết hợp cả các công nghệ hiện đại khép kín với các công nghệ truyền thống, cần tạo được mạng lưới các cơ sở chế biến trong toàn tỉnh trên cơ sở liên kết theo công đoạn hoặc theo địa bàn để tăng cường tính hiệu quả.

Bên cạnh việc tăng cường đầu tư các cơ sở chế biến quy mô lớn, công nghệ hiện đại cũng cần chú trọng đầu tư, phát triển cơ sở chế biến LSNG vừa và nhỏ, phát triển các làng nghề thủ công truyền thống có sử dụng nguyên liệu LSNG để phát huy lợi thế của từng loại cơ sở hướng tới hiệu quả cao nhất.

Cần khuyến khích, hỗ trợ và tạo điều kiện cho mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các cơ sở sơ chế và chế biến đơn giản tại một số bản, xã, vùng, giúp nâng cao chất lượng các loại LSNG.

3.4.4. Đẩy mạnh việc áp dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh LSNG

Cần quan tâm một số nội dung sau đây:

- Tăng cường các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao trình độ về kỹ thuật gây trồng, khai thác và chế biến LSNG cho người dân trong địa bàn.

- Nghiên cứu chọn tạo giống các loài LSNG có giá trị kinh tế cao và phù hợp điều kiện sinh thái để đưa vào sản xuất.

- Nghiên cứu áp dụng các biện pháp kỹ thuật và công cụ sản xuất thích hợp trong sản xuất để giảm sự nặng nhọc vất vả cho người lao động.

- Nghiên cứu áp dụng kỹ thuật khai thác, sơ chế và bảo quản thích hợp để đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Nghiên cứu các phương thức gây trồng, khai thác LSNG phù hợp để đảm bảo vừa nâng cao hiệu quả vừa bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên rừng.

3.4.5. Đẩy mạnh đào tạo bồi dưỡng cho người lao động

Tăng cường mở rộng tổ chức các lớp tập huấn để chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật cho người dân về sản xuất, chế biến, tiêu thụ LSNG.

Xây dựng một số mô hình trình diễn ở một số địa phương nhằm tạo điều kiện cho các chủ hộ tham gia học tập gắn lý thuyết với thực hành phù hợp với thực tế.

Tăng cường kinh phí đầu tư cho công tác khuyến nông, giúp đỡ và hỗ trợ các hộ đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ để các chủ hộ mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh.

4. KẾT LUẬN

Phát triển sản xuất kinh doanh lâm sản ngoài gỗ là một hướng đi quan trọng để phát triển kinh tế lâm nghiệp nói chung và kinh tế dưới tán rừng nói riêng. Phát triển sản xuất kinh doanh lâm sản ngoài gỗ cũng là một giải pháp quan trọng để phát triển bền vững tài nguyên rừng trong bối cảnh đóng cửa rừng tự nhiên ở nước ta hiện nay.

Hà Tĩnh có nhiều tiềm năng về phát triển lâm sản ngoài gỗ và trong thực tiễn hoạt động SXKD LSNG đã đóng góp phần quan trọng vào thu nhập từ rừng của tỉnh, bên cạnh đó hoạt động này cũng góp phần quan trọng vào việc tạo việc làm, cải thiện thu nhập cho người lao động, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng của địa phương.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh LSNG của các hộ gia đình trên địa bàn Hà Tĩnh về cơ bản đã được phát triển trên nhiều mặt, đã góp

phân tạo việc làm và thu nhập cho các hộ, đồng thời nâng cao hiệu quả các hoạt động sản xuất lâm nghiệp nói chung. Tuy vậy các hộ cũng đang gặp những khó khăn cần tháo gỡ, trong đó khó khăn phổ biến nhất là vấn đề thị trường tiêu thụ sản phẩm, sau đó là vấn đề vốn đầu tư và quỹ đất cho SXKD LSNG.

Để phát triển SXKD LSNG tại các hộ gia đình tại Hà Tĩnh, cần áp dụng đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó cần chú trọng các giải pháp như: Hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển SXKD LSNG; Đẩy mạnh công tác phát triển thị trường LSNG; Tăng cường đầu tư phát triển các cơ sở chế biến LSNG; Đẩy mạnh áp dụng KHCN; Tăng cường công tác đào tạo, tập

huấn kiến thức kỹ thuật và kinh doanh cho các hộ gia đình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Belcher, B., & Schreckenberg, K. (2007). Commercialisation of non-timber forest products. *Development Policy Review*. 25(3): 355-377.
- [2]. Triệu Văn Hùng, Hà Chu Chử & Lê Thanh Chiến (2007). *Lâm sản ngoài gỗ Việt Nam, Dự án Hỗ trợ chuyên ngành Lâm sản ngoài gỗ - Pha II*. NXB Bản Đồ, Hà Nội.
- [3]. Phạm Xuân Phương (2005). Một số ý kiến về định hướng phát triển Lâm sản ngoài gỗ ở Việt Nam. *Tạp chí Nông nghiệp và PTNT - Kỳ 1 tháng 9/2005*, 71-73.
- [4]. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Hà Tĩnh (2017), *Đề án phát triển lâm sản ngoài gỗ tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2016 - 2025*, Hà Tĩnh.
- [5]. Cục Thống kê Hà Tĩnh, *Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh các năm 2021, 2022, 2023*. NXB Thống Kê, Hà Nội.